

Bản án số: **120** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt;

2. Ông Nguyễn Văn Minh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Tô Văn R sinh năm 1965.

Địa chỉ: khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà Đ có mặt, ông R vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, nguyên đơn bà Đặng Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông R chung sống như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông R có tình cảm rồi chung sống với người phụ nữ khác, không còn chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gổ, cãi nhau. Bà Đ đã ly thân ông R từ năm 1995 đến nay. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Tô Văn R.

Về con chung: có 03 con chung tên Tô Văn Th, sinh năm 1989, Tô Kim V, sinh năm 1991, Tô Tấn T, sinh năm 1995. Do các con chung đã trưởng thành nên không ly hôn bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Thị Đ không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn ông Tô Văn R vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành liên lạc và tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Tô Văn R theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông R biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà Đ, có nhận các thủ tục nhưng ông R không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông R vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Đ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đặng Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tô Văn R, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn ông Tô Văn R đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về tình cảm:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông R: bà Đ cho rằng bà Đ và ông R chung sống như vợ chồng từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Bà Đ có cung cấp xác nhận của UBND thị trấn H xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đ và ông R có chung sống với nhau từ năm 1988, có 03 con chung tên có 03 con chung, có con đầu tên Tô Văn Th, sinh năm 1989. Từ đó, Tòa án có căn cứ xác định giữa bà Đ và ông R có chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo qui định tại điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì hôn nhân giữa bà Đ và ông R là hôn nhân thực tế, không được công nhận là vợ chồng.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông R: bà Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông R có tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên gây cãi nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 1995 đến nay và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập ông R nhiều lần để hòa giải nhưng ông R vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến cũng như không cung cấp ý kiến về việc bà Đ xin ly hôn cho thấy ông R không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn

nhân giữa bà Đ với ông R đã mâu thuẫn trầm trọng, nên bà Đ yêu cầu xin ly hôn với ông R là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bà Đ và ông R không thực hiện đăng ký kết hôn nên theo qui định tại điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nên HĐXX không công nhận bà Đ và ông R là vợ chồng.

[3.2]. Về con chung: Bà Đ và ông R có 03 con chung tên Tô Văn Th, sinh năm 1989, Tô Kim V, sinh năm 1991, Tô Tấn T, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Đ xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông R vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết. Nếu sau này, giữa bà Đ và ông R có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Đặng Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị Đ với ông Tô Văn R.

Không công nhận bà Đặng Thị Đ và ông Tô Văn R là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Đ xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Đ phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai số 0002376 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Đặng Thị Đ đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy